# ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

**Lê Phương Thúy**
**Trường Đại học Bách khoa Hà Nội**

***Tóm tắt:*** *Đặc điểm nhân cách là một trong những yếu tố nền tảng chi phối cách học sinh trung học phổ thông (THPT) thích ứng và tham gia hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến. Nghiên cứu này trình bày thực trạng biểu hiện của 5 đặc điểm nhân cách ở học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến theo mô hình Big Five (Costa & McCrae, 1992), bao gồm Nhiễu tâm, Tận tâm, Hướng ngoại, Cởi mở và Đồng thuận. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi trên 661 học sinh THPT tại 6 trường thuộc thành phố Hà Nội, kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc với 8 học sinh nhằm làm rõ hơn kết quả định lượng. Kết quả cho thấy học sinh THPT có mức độ biểu hiện khá rõ nét ở cả 5 đặc điểm, trong đó Cởi mở có điểm trung bình cao nhất (ĐTB=4,02) và Hướng ngoại có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB=3,40). Học sinh cũng cho thấy dấu hiệu lo lắng, căng thẳng liên quan đến việc lựa chọn nguồn tài liệu trực tuyến đáng tin cậy và kết quả học tập. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để gia đình, nhà trường có những định hướng phù hợp nhằm hỗ trợ học sinh THPT học tập hiệu quả và an toàn hơn trên môi trường trực tuyến.*

***Từ khóa:*** *đặc điểm nhân cách; Big Five; học sinh trung học phổ thông; học tập trực tuyến.*

# PERSONALITY CHARACTERISTICS OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN ONLINE LEARNING

***Abstract:*** *Personality traits are among the foundational factors shaping how high school students adapt to and engage in online learning. This study presents the current status of five personality traits based on the Big Five model (Costa & McCrae, 1992), including Neuroticism, Conscientiousness, Extraversion, Openness, and Agreeableness, among high school students engaged in online learning activities. Data were collected through a questionnaire administered to 661 high school students across six schools in Hanoi, complemented by semi-structured interviews with eight students to enrich the quantitative findings. The results show that students exhibited all five traits to a considerable degree, with Openness recording the highest mean score (M=4.02) and Extraversion the lowest (M=3.40). Students also reported concerns and stress related to identifying reliable online reference sources and to their academic outcomes. These findings provide a basis for families and schools to design appropriate support strategies to help high school students learn more safely and effectively online.*

***Keywords:*** *personality traits; Big Five; high school students; online learning.*

*Nhận bài: 08/08/2026 Phản biện: 08/09/2026 Duyệt đăng: 11/09/2026*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển mạnh mẽ của Internet và công nghệ thông tin đã làm thay đổi sâu sắc cách con người học tập, làm việc và kết nối. Theo thống kê của We Are Social kết hợp Meltwater, tính đến tháng 4/2026, thế giới có 6,12 tỷ người sử dụng Internet, chiếm 73,8% dân số thế giới (Datareportal, 2026a). Tại Việt Nam, 85,6 triệu người sử dụng Internet tính đến tháng 10/2025 (chiếm 84,2% tổng dân số quốc gia) (Datareportal, 2026b), và một trong số các mục đích sử dụng Internet của người dùng tại Việt Nam là cho giáo dục và học tập. Đại dịch Covid-19 càng thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng học tập và tìm kiếm thông tin trực tuyến khi 191 quốc gia phải đóng cửa trường học, buộc dạy và học trực tuyến trở thành giải pháp gần như duy nhất để duy trì nền giáo dục trong giai đoạn giãn cách. Học sinh trung học phổ thông (THPT) là thế hệ lớn lên cùng Internet. Các em ngày càng sử dụng môi trường trực tuyến như một kênh học tập song hành với lớp học truyền thống.

Tâm lý học sinh trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến có nhiều điểm tương đồng với tâm lý học tập trực tiếp, nhưng cũng mang những nét đặc thù gắn với bối cảnh công nghệ. Trong số các khung lý thuyết về nhân cách, mô hình 5 yếu tố lớn (Big Five) của Costa và McCrae (1992) được xem là mô hình phổ biến và được ứng dụng rộng rãi nhất (Baruth & Cohen, 2023; Sorić và cộng sự, 2017; Soto & John, 2017). Big Five bao gồm 5 đặc điểm: Nhiễu tâm (Neuroticism) (xu hướng bất ổn định cảm xúc, dễ lo âu, căng thẳng; Tận tâm (Conscientiousness) (tính kỷ luật, có tổ chức, trách nhiệm); Hướng ngoại (Extraversion) (xu hướng hòa đồng, tìm kiếm tương tác xã hội); Cởi mở (Openness) (sự sáng tạo, ham thích trải nghiệm mới); và Đồng thuận (Agreeableness) (xu hướng vị tha, hợp tác, tin cậy người khác).

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về tâm lý học sinh trong hoạt động học tập đa phần tập trung vào bối cảnh học tập trực tiếp hoặc chỉ khảo sát

riêng lẻ từng đặc điểm tâm lý, trong khi nghiên cứu một cách hệ thống về các đặc điểm nhân cách của học sinh THPT gắn với bối cảnh học tập trực tuyến còn khá hạn chế. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng biểu hiện của 5 đặc điểm nhân cách theo mô hình Big Five ở học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến, làm cơ sở để gia đình và nhà trường có định hướng giáo dục phù hợp, giúp quá trình học tập trực tuyến của học sinh diễn ra hiệu quả và an toàn hơn.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp giữa định lượng và định tính, trong đó định lượng đóng vai trò chủ đạo. Mẫu nghiên cứu được xác định thông qua phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm nhiều giai đoạn (Creswell, 2012) trên tổng thể học sinh THPT công lập tại thành phố Hà Nội. Căn cứ vào công thức tính cỡ mẫu của Yamane (1967) với tổng thể khoảng 10.109 học sinh tại 6 trường được lựa chọn, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt là 385 học sinh; nghiên cứu đã mở rộng cỡ mẫu dự kiến lên trên 600 để tăng độ đại diện và giảm sai số chọn mẫu.

Nghiên cứu phát ra 810 phiếu khảo sát tại 6 trường THPT trên địa bàn Hà Nội. Sau khi làm sạch dữ liệu và loại bỏ các phiếu không đạt yêu cầu, nghiên cứu thu được 661 phiếu hợp lệ, tương ứng với tỉ lệ phản hồi của học sinh khối 10 là 31,5%, khối 11 là 38,9% và khối 12 là 29,7%. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 8 học sinh THPT (4 nam, 4 nữ) nhằm bổ sung, làm rõ thêm các phát hiện từ dữ liệu định lượng.

Công cụ đo lường là bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức (từ Hoàn toàn sai đến Hoàn toàn đúng), được xây dựng dựa trên mô hình Big Five của Costa và McCrae (1992), có tham chiếu thang đo Big Five Inventory phiên bản 2 (BFI-2) của Soto và John (2016), gồm 28 nhận định đo lường 5 đặc điểm: Nhiễu tâm (8 nhận định), Tận tâm (5 nhận định), Hướng ngoại (6 nhận định), Cởi mở (4 nhận định) và Đồng thuận (5 nhận định). Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0, sử dụng thống kê mô tả (điểm trung bình - ĐTB, độ lệch chuẩn - ĐLC) để xác định mức độ biểu hiện của từng đặc điểm nhân cách ở học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến.

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

Thực trạng 5 đặc điểm nhân cách của học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến bao gồm Nhiễu tâm, Tận tâm, Hướng ngoại, Cởi mở, Đồng thuận được trình bày cụ thể trong phần dưới đây.

**Bảng 1. Thực trạng đặc điểm nhân cách của học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến**

| TT | Đặc điểm nhân cách | ĐTB | ĐLC |
|---|---|---|---|
| 1 | Nhiễu tâm | 3,66 | 1,015 |
| 2 | Tận tâm | 3,57 | 1,265 |
| 3 | Hướng ngoại | 3,4 | 1,133 |
| 4 | Cởi mở | 4,02 | 0,988 |
| 5 | Đồng thuận | 3,61 | 1,101 |

*Về Nhiễu tâm* (ĐTB=3,66/ĐLC=1,015), học sinh THPT cho thấy sự đồng ý của họ đối với các nhận định thuộc đặc điểm tâm lý này. Những biểu hiện thể hiện sự bất ổn định về mặt cảm xúc, sự căng thẳng, lo lắng và áp lực học tập của học sinh. Trong đó, nhận định *"Tôi thấy buồn khi kết quả học tập không như mong đợi"* (ĐTB=4,12/ĐLC=0,950) và *"Tôi thấy hoang mang không biết lựa chọn tham khảo nguồn tài liệu trực tuyến nào"* (ĐTB=3,78/ĐLC=1,052) có ĐTB cao hơn cả ĐTB của thang đo nhiễu tâm. Như vậy, các tài liệu tham khảo trực tuyến đa dạng mang đến vô vàn lựa chọn cho học sinh, tuy nhiên, nó cũng có mặt trái khiến học sinh hoang mang không biết nên lựa chọn nguồn tài liệu nào và liệu đâu mới là nguồn tài liệu chất lượng, uy tín. 6 trên 8 học sinh được phỏng vấn bày tỏ sự khó khăn khi lựa chọn các nguồn tài liệu tham khảo trên trực tuyến *"Đấy là vấn đề em đang gặp phải ạ. Nhiều khi mà em muốn tìm hiểu về một kiến thức, nhất là về lịch sử chẳng hạn. Em thường đọc nhiều nguồn khác nhau. Có những cái kiến thức lịch sử em đọc nhiều nguồn khác nhau thì thông tin đều giống nhau hết. Có những nguồn đưa cho em thì kiến thức lại khác, vì vậy em cũng không biết đâu là đúng hay sai cả (HS001 – Nam - Lớp 11)"; "Hiện tại luôn đây ạ. Em đang trải qua đây ạ. Bởi vì nguồn thông tin trên mạng cũng không có nhiều sự chính*

*xác. Hiện tại em dùng máy tính có công cụ như Chat GPT, nhưng lần nào em hỏi nó cũng trả lời sai. Rất nhiều lần em phải hỏi lại các thầy cô để nắm chắc lại các kiến thức xem có đúng không (HS002 – Nữ - Lớp 12)".* Theo sau đó là những biểu hiện căng thẳng, lo lắng, chán nản, thất vọng, buồn của học sinh về bài kiểm tra, về kết quả học tập không như ý muốn hay công việc trong tương lai. Những năm tháng dưới mái trường THPT là bước đệm vững chắc cho tương lai của các em. Dù có nhiều sự lựa chọn khác nhau: đi du học, học đại học trong nước, học nghề, v.v. nhưng không thể tránh khỏi những lo lắng về tương lai của các em.

*Về Tận tâm* (ĐTB=3,57/ĐLC=1,265), số liệu cho thấy học sinh THPT đồng ý với các nhận định thuộc đặc điểm này. Các em nỗ lực và quyết tâm học tập cũng như hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Điều đó được thể hiện qua các nhận định *"Tôi nỗ lực học tập chăm chỉ để đạt được những mục tiêu học tập đã đề ra*" (ĐTB=3,68/ĐLC=1,243) hay "*Tôi cố gắng thực hiện mọi nhiệm vụ học tập được giao một cách cẩn thận" (ĐTB=3,61/ ĐLC=1,175), "Tôi thường hoàn thành bài tập và nhiệm vụ học tập đúng hạn"* (ĐTB=3,59/ ĐLC=1,279) đều có ĐTB cao hơn ĐTB của thang đo Tận tâm. Học tập luôn được xem là ưu tiên hàng đầu với học sinh THPT. Do đó, khi tham gia học tập trực tuyến, các em cũng cố gắng tập trung, không sa đà vào các hoạt động khác. Tính chủ động, tự giác trong học tập cũng được nhận thấy ở các học sinh tham gia phỏng vấn *"Chăm học hơn, tự giác trong việc học hơn. Ngoài ra em còn nghĩ là chủ động tìm tòi ạ. Chủ động tìm tòi những kiến thức không có trong sách vở nhưng có thể áp dụng trong bài thi ạ (HS003 – Nam – Lớp 12)"; "Em cũng đang cố gắng học tiếng Anh rất là nhiều và đặc biệt là học giao tiếp, học nghe. Cụ thể thì em đang học chứng chỉ IELTS để trong tương lai có thể có được cơ hội đi du học (HS008 – Nữ - Lớp 11)"; "Học thêm xong về nhà em sẽ lấy bài vở ra luôn để học luôn, coi như là ôn lại một lần luôn cho nhớ (HS001 – Nam – Lớp 11)"; "Em hay lên YouTube em xem lại mấy clip các thầy cô khác giảng, xem đi xem lại thì mình sẽ hiểu kiến thức ấy hơn (HS006 – Nữ - Lớp 12)".*

*Về Hướng ngoại* (ĐTB=3,4/ĐLC=1,133), với một số nhận định có ĐTB cao hơn ĐTB của thang đo Hướng ngoại, cho thấy học sinh THPT tìm kiếm và tìm thấy niềm vui khi tham gia các hội/nhóm/cộng đồng học tập trên môi trường trực tuyến. Cụ thể, *"Tôi tin rằng những người bạn học trực tuyến đều có điểm tốt để mình học hỏi" (ĐTB=3,64/ĐLC=1,059), "Tôi thích tham gia những nhóm/cộng đồng trực tuyến trao đổi về nhiều chủ đề học tập khác nhau" (ĐTB=3,49/ ĐLC=1,121), "Tôi thích những nhóm/cộng đồng học tập trực tuyến có đông người tương tác" (ĐTB=3,49/ĐLC=1,115), "Tôi thích trao đổi, trò chuyện với mọi người trong nhóm/cộng đồng học tập trực tuyến" (ĐTB=3,44/ĐLC=1,081).* Các học sinh tham gia phỏng vấn chia làm hai luồng ý kiến. Một số học sinh tìm thấy niềm vui và tích cực tham gia, tích cực hoạt động trong các nhóm/cộng đồng học tập trực tuyến: *"Em thấy mọi người trong nhóm khá là tích cực về các vấn đề xung quanh. Đó là môn Địa. Còn môn Sử thì hầu hết là các thầy cô sẽ hướng dẫn cho học sinh một cách khái quát và tóm tắt các bài giảng ở trên nhóm đấy thì em cũng thấy là tốt hơn so với trên lớp (HS003 – Nam – Lớp 12)"; "Em tham gia vào cộng đồng đó, hỏi bài kiến thức trao đổi bài với nhau, trao đổi bài với các anh chị trợ giảng, không những thế, lâu lâu thầy giáo cũng đốc thúc chúng em học bài hơn. Em cảm thấy việc lập ra những fanpage học bài là để cùng nhau cố gắng thì sẽ có động lực hơn (HS002 – Nữ - Lớp 12)".* Một số học sinh khác lại không tham gia, không tương tác hay không tìm thấy niềm vui trong các nhóm công khai này: *"Ở trong những nhóm công khai thì em khá là ít đăng hay bình luận. Ví dụ như các bạn ấy có chia sẻ các tài liệu thì em sẽ nhắn tin riêng. (HS008 – Nữ - Lớp 11)"; "Có vài cái nhóm Facebook em chỉ lướt lướt vài bài thôi chứ em không vào sâu hay chat với người lạ (HS005 – Nam – Lớp 11)".*

*Về Cởi mở* (ĐTB=4,02/ĐLC=0,988), các em học sinh THPT thể hiện sự sáng tạo, yêu thích những trải nghiệm mới mẻ, biết thưởng thức và hòa mình vào với các yếu tố thẩm mỹ, nghệ thuật. Cụ thể, nhận định *"Tôi dễ bị thu hút bởi các yếu tố thẩm mỹ, nghệ thuật" (ĐTB=4,06/ ĐLC=1,004), "Một số thể loại nhạc có sức cuốn hút rất lớn đối với tôi" (ĐTB=4,05/ ĐLC=1,011), "Thi thoảng tôi hoàn toàn đắm chìm trong bản nhạc mà tôi đang nghe"* (ĐTB=4,03/ĐLC=1,006) đều có ĐTB cao hơn ĐTB của thang đo Cởi mở. Đa số các học sinh tham gia phỏng vấn đều hứng thú với các yếu tố nghệ thuật. Một số chia sẻ như sau: *"Âm nhạc là số một. Em đi đâu em cũng cần có âm nhạc [...] tất cả mọi nơi em đều cần có âm nhạc (HS006 – Nữ - Lớp 12)"; "Hội họa thì nó hút mắt em. Lấy 1 số idea hội họa vào làm sơ đồ riêng của em (HS007 – Nam – Lớp 12)".*

*Về Đồng thuận* (ĐTB=3,61/ĐLC=1,101), kết quả khảo sát cho thấy mối quan hệ khá tích cực giữa học sinh THPT với thầy cô, bạn bè. Ở đó có sự hòa nhã, tin cậy và chân thành. Cụ thể, *"Thầy/cô, bạn bè nghĩ rằng tôi là người thân thiện và hòa nhã"* (ĐTB=3,75/ĐLC=1,107) là nhận định có ĐTB cao nhất. Sau đó là các nhận định được học sinh đồng ý như "*Nhiều người cho rằng tôi là người dễ gần và cởi mở"* (ĐTB=3,69/ĐLC=1,058), "Tôi được thầy/cô, bạn bè yêu mến" (ĐTB=3,63/ĐLC=1,079) đều có ĐTB cao hơn ĐTB của thang đo Đồng thuận. Tất cả 8 học sinh được phỏng vấn đều chia sẻ mối quan hệ tốt đẹp, hòa đồng với thầy cô, bạn bè: "*Em có từng tham gia một nhóm có tên là Study with us, sẽ vào Zoom học cùng nhau. Lúc đấy thì em cũng luôn sẵn sàng giúp đỡ các bạn. Khi mà mình giúp đỡ các bạn ấy xong mình nhận được lời cảm ơn. Những cái lời cảm ơn đấy nó giống như là lời khen ấy ạ (HS008 – Nữ - Lớp 11)"; "Em nghĩ em là người khá tích cực trong việc xây dựng mối quan hệ bạn bè. Em nghĩ mối quan hệ bạn bè của em khá là quan trọng. Em sẽ cố gắng xây dựng và giúp đỡ tất cả mọi người ạ. (HS003 – Nam – Lớp 12)".*

## III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 661 học sinh THPT tại thành phố Hà Nội cho thấy cả 5 đặc điểm nhân cách theo mô hình Big Five đều được biểu hiện khá rõ nét ở học sinh THPT trong hoạt động học tập trên môi trường trực tuyến, với điểm trung bình dao động từ 3,40 đến 4,02. Trong đó, Cởi mở là đặc điểm nổi bật nhất, phản ánh sự yêu thích trải nghiệm mới và sự nhạy cảm thẩm mỹ của học sinh THPT hiện nay; ngược lại, Hướng ngoại có điểm trung bình thấp nhất, cho thấy không phải học sinh nào cũng chủ động tương tác, kết nối trong các nhóm/cộng đồng học tập trực tuyến. Một bộ phận học sinh vẫn có xu hướng e dè, thận trọng khi giao tiếp với người lạ trên môi trường mạng.

Đáng chú ý, dù không phải đặc điểm có điểm trung bình cao nhất, biểu hiện của Nhiễu tâm cho thấy một thực trạng cần được quan tâm: học sinh THPT gặp khó khăn trong việc lựa chọn nguồn tài liệu tham khảo trực tuyến đáng tin cậy, đồng thời có dấu hiệu lo lắng, căng thẳng liên quan đến kết quả học tập và tương lai. Đây là cơ sở gợi ý rằng gia đình và nhà trường cần đồng hành, hướng dẫn học sinh kỹ năng đánh giá, chọn lọc thông tin trên môi trường trực tuyến, đồng thời quan tâm hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong quá trình học tập nhằm giảm thiểu áp lực và lo âu không cần thiết.

Bên cạnh đó, mức độ biểu hiện tương đối tích cực của Tận tâm và Đồng thuận cho thấy học sinh THPT vẫn duy trì được tinh thần trách nhiệm với việc học và mối quan hệ hòa nhã với thầy cô, bạn bè, ngay cả khi học tập diễn ra trên môi trường trực tuyến, nơi thiếu vắng sự giám sát trực tiếp. Đây là nguồn lực tâm lý tích cực mà gia đình và nhà trường có thể phát huy để thúc đẩy học sinh học tập chủ động, hiệu quả hơn.

Nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định. Mẫu khảo sát giới hạn ở các trường THPT công lập không chuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội, chưa bao quát học sinh tại các trường chuyên, trường dân lập, tư thục hay các địa phương khác. Do đó, hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát ra nhiều tỉnh, thành khác nhau, đồng thời xem xét mối quan hệ giữa các đặc điểm nhân cách với động lực, sự tự tin vào năng lực công nghệ và mức độ tham gia học tập trực tuyến của học sinh THPT.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


Baruth, O., & Cohen, A. (2023). Personality and satisfaction with online courses: The relation between the Big Five personality traits and satisfaction with online learning activities. Education and Information Technologies, 28(1), 879–904.

Costa, P. T., & McCrae, R. R. (1992). NEO PI-R professional manual: Revised NEO Personality Inventory (NEO PI-R) and NEO Five-Factor Inventory (NEO-FFI). Psychological Assessment Resources.

Creswell, J. W. (2012). Educational research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research (4th ed.). Pearson.

Datareportal. (2026a). Digital around the world. https://datareportal.com/global-digital-overview

Datareportal. (2026b). Digital 2026: Vietnam https://datareportal.com/reports/digital-2026-vietnam

Sorić, Izabela; Penezić, Zvjezdan; Burić, Irena (2017). The Big Five personality traits, goal orientations, and academic achievement. Learning and Individual Differences, 54(), 126–134. doi:10,1016/j.lindif.2017.01.024

Soto, C. J., & John, O. P. (2016). The next Big Five Inventory (BFI-2): Developing and assessing a hierarchical model with 15 facets to enhance bandwidth, fidelity, and predictive power. Journal of Personality and Social Psychology, 113(1), 117–143. https://doi.org/10.1037/pspp0000096

Yamane, T. (1967). Mathematical formulae for sample size determination. Harper and Row.